

Số: 2415/LĐT BXH-KHTC
V/v xây dựng Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội năm 2023 lĩnh vực lao
động, người có công và xã hội

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025. Dự báo kinh tế thế giới phục hồi chậm lại, lạm phát tiếp tục ở mức cao. Ở trong nước, nền kinh tế có khả năng phục hồi nhanh hơn; nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội bắt đầu được thực hiện và giải ngân. Tuy nhiên, rủi ro, thách thức còn rất lớn, nhất là giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, áp lực lạm phát nặng nề hơn; các vấn đề xã hội - môi trường như già hóa dân số, thất nghiệp, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn... gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, phương hướng phát triển đất nước 5 năm 2021-2025 và chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch 5 năm lĩnh vực lao động, người có công và xã hội tại Quyết định số 1218/QĐ-LĐT BXH ngày 26/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; kế thừa và phát huy kết quả đạt được của các năm vừa qua, phấn đấu vượt qua những khó khăn, thách thức của năm 2023, tạo đà cho các năm tiếp theo trong giai đoạn 2021-2025, Bộ hướng dẫn các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và xã hội các tỉnh, thành phố tập trung, chủ động xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023 LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI

1. Về đánh giá kết quả thực hiện năm 2022

a) Yêu cầu

- Đánh giá đúng thực chất tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2022 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; so sánh với kết quả thực hiện cùng kỳ năm 2021 và kế hoạch năm 2022. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết số 32/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội, Nghị quyết số

01/NQ-CP ngày 08/01/2022 và các Nghị quyết khác của Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, Quyết định số 18/QĐ-LĐTBXH ngày 10/01/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ; các văn bản chỉ đạo, điều hành khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ ban hành từ đầu năm 2022 đến nay; kết quả thực hiện các chương trình, đề án theo từng lĩnh vực cụ thể. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch COVID-19, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hỗ trợ người dân, người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch, bảo đảm an sinh xã hội.

- Yêu cầu việc đánh giá phải khách quan, sát thực tiễn, đúng thực chất kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong phạm vi cả nước theo lĩnh vực do các đơn vị phụ trách và từng tỉnh, thành phố. Làm nổi bật những kết quả đã đạt được; chỉ ra được những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm; dự kiến mức độ hoàn thành và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện trong các tháng cuối năm để hoàn thành mục tiêu Kế hoạch năm 2022 đã đề ra từ đầu năm.

b) Nội dung đánh giá thực hiện Kế hoạch năm 2022

(I) Bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 về lao động, người có công và xã hội.

(II) Tình hình thực hiện Kế hoạch năm 2022 và kết quả đạt được.

(III) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

(IV) Dự kiến mức độ hoàn thành chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch năm; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần thực hiện trong các tháng cuối năm 2022.

2. Về xây dựng Kế hoạch năm 2023

a) Yêu cầu trong xây dựng Kế hoạch năm 2023

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2022; dự báo cơ hội, thách thức đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành để có căn cứ luận chứng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho năm 2023 và các năm tiếp theo.

- Mục tiêu của Kế hoạch năm 2023 (mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu cụ thể) phải thể hiện sự quyết tâm, phấn đấu đạt được mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030; bám sát chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Kế hoạch năm 2023 đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, phương hướng phát triển đất nước 5 năm 2021-2025, các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh, thành phố và tình hình thực tiễn của mỗi địa phương và phải thống nhất, phù hợp các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 của ngành (Quyết định số 1218/QĐ-LĐTBXH ngày 26/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của Kế hoạch năm 2023 phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đặc biệt cần phân tích, đánh giá, lựa chọn, sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên, nhiệm vụ, lĩnh vực trọng tâm cần có sự đột phá trong kế hoạch; đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 liên quan đến các lĩnh vực của ngành. Đồng thời, phù hợp với khả năng thực hiện kế hoạch của ngành, địa phương; đảm bảo phát huy kết quả đạt được, có tính kế thừa, đổi mới và phát triển.

- Các nhiệm vụ, đề án phải cụ thể về nội dung, thời gian, tiến độ thực hiện, hoàn thành; cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp...

- Việc xây dựng Kế hoạch năm 2023 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phải được triển khai đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và các ngành, các cấp; đảm bảo tiến độ, thời gian và biểu mẫu quy định.

b) Nội dung chủ yếu của Kế hoạch năm 2023

- Bối cảnh xây dựng Kế hoạch năm 2023 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; phân tích, đánh giá về những thuận lợi, khó khăn, thách thức đối với từng lĩnh vực của ngành; đặc biệt lưu ý các vấn đề như ảnh hưởng cuộc xung đột Nga – Ucraina, chính sách phòng, chống dịch COVID-19...

- Mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu cụ thể của từng lĩnh vực (*bao gồm các chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao; các chỉ tiêu quản lý ngành*).

- Định hướng nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu (*về hoàn thiện thể chế, xây dựng chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội; về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trên từng lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế*).

- Tổ chức thực hiện.

Chú ý, đối với các lĩnh vực có chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án đơn vị phải đề xuất nguồn lực nhằm bảo đảm khả năng thực hiện các mục tiêu đề ra của năm 2023.

(*Đề cương chi tiết theo phụ lục 1; mục tiêu phấn đấu 5 năm giai đoạn 2021-2025 tại phụ lục 2 kèm theo công văn này*).

Cùng với báo cáo thuyết minh, yêu cầu các đơn vị, địa phương tổng hợp đầy đủ số liệu theo biểu mẫu tại phụ lục 3 và phụ lục 4 kèm theo công văn này.

II. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch năm 2023 đúng nội dung hướng dẫn và các biểu mẫu quy định gửi về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) **trước ngày 20/7/2022** để tổng hợp chung trong Kế hoạch của Bộ.

(Để thuận tiện trong quá trình tổng hợp, ngoài bản chính thức, đơn vị gửi một bản điện tử theo địa chỉ email: thanhnhv@molisa.gov.vn).

2. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị, các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; tổng hợp, xây dựng Kế hoạch chung của toàn ngành, trình Bộ trưởng phê duyệt để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Bộ (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại: 024 393 64160 hoặc 024 382 69544) để được hướng dẫn thêm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Trung tâm Thông tin (để đăng Công TTĐT);
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Tấn Dũng



Phụ lục 1
ĐỀ CƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số 117/TBXH-KHTC ngày 08/7/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
A	Phần 1: Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022		
I	Bối cảnh thực hiện Kế hoạch năm 2022	Các đơn vị, địa phương	
II	Kết quả đạt được		
1	Về hoàn thiện thể chế phát triển các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội	Vụ Pháp chế, các đơn vị	
2	Về lao động - việc làm		
a	Phát triển thị trường lao động, thực hiện các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm (<i>trong nước, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>): Đánh giá về Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030, Chương trình phục hồi và phát triển thị trường lao động, thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động trong nước và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; trong đó, yêu cầu đánh giá kỹ về cân đối cung - cầu, chuyển dịch cơ cấu lao động, khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ ở một số ngành, địa phương, về việc làm tăng thêm, thu hút lao động quay trở lại thị trường lao động, hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, chuyển dịch cơ cấu lao động; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị; tỷ lệ lao động qua đào tạo (<i>trong đó, có bằng, chứng chỉ</i>).	Cục Việc làm, Cục Quản lý lao động ngoài nước, các địa phương	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
b	Đánh giá về phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; trong đó, yêu cầu đánh giá kỹ triển khai Chiến lược phát triển GDNN, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, công tác tuyển sinh, đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động để đáp ứng nhu cầu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, thích ứng với điều kiện sản xuất mới...	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, các địa phương	
c	Thực hiện chính sách tiền lương, triển khai Nghị định số 38/2022/NQQ-CP của Chính phủ; kết quả khảo sát về lao động-tiền lương trong doanh nghiệp; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp...	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương, các địa phương	
d	Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (<i>mở rộng và phát triển đối tượng tham gia; thực hiện các chính sách trợ cấp cho đối tượng; thu ngân sách BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN...</i>).	Vụ Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục ATLĐ và các địa phương	
d	An toàn, vệ sinh lao động (<i>huấn luyện ATVSLĐ, kiểm định chất lượng hàng hóa, theo dõi, xử lý TNLĐ...</i>)	Cục ATLĐ và các địa phương	
đ	Quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam (<i>theo dõi, cấp giấy phép lao động...</i>).	Cục VL và các địa phương	
2	Thực hiện chính sách người có công (<i>thực hiện chính sách ưu đãi NCC; tổ chức lễ kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh – Liệt sỹ; quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công vùi vạc cách mạng; đề án xác định danh tính liệt sỹ còn thiếu thông tin; hỗ trợ nhà ở người có công có khó khăn về nhà ở; công tác mộ, nghĩa trang liệt sỹ; thực hiện các hoạt động “đền ơn, đáp nghĩa”, nâng cao đời sống người có công...</i>)	Cục NCC và các địa phương	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
3	Về các lĩnh vực xã hội		
a	Về giảm nghèo bền vững (<i>về hoàn thiện văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo, chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, các đề án về giảm nghèo đa chiều; kết quả giảm nghèo đa chiều; giảm huyện nghèo, xã nghèo...</i>).	Cục BTXH, VPQG về giảm nghèo và các địa phương	
b	Về bảo trợ xã hội (<i>Về xây dựng và hướng dẫn thực hiện các chương trình, đề án về trợ giúp xã hội, quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp thường xuyên, đột xuất; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt...; công tác y tế lao động - xã hội</i>).	Cục BTXH và các địa phương	
c	Về công tác trẻ em (<i>thực hiện các Công ước quốc tế về trẻ em; các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về công tác trẻ em; phòng chống xâm hại, bảo lực đối với trẻ em; giảm tai nạn, thương tích ở trẻ em; xây dựng xã/phường/thị trấn phù hợp với trẻ em...</i>)	Cục trẻ em và các địa phương	
d	Về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ (<i>thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới...</i>).	Vụ Bình đẳng giới và các địa phương	
đ	Về phòng, chống tệ nạn xã hội (<i>cai nghiện ma túy; phòng, chống mại dâm; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về</i>)	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội và các địa phương	
4	Cải cách hành chính, ứng dụng CNTT, xây dựng tổ chức bộ máy	Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, Trung tâm Thông tin và các địa phương	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
5	Thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân; xử lý đơn thư; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí	Thanh tra, Văn phòng và các địa phương	
6	Hợp tác quốc tế	Vụ Hợp tác quốc tế và các địa phương	
7	Về nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, Công tác kế hoạch – dự toán, đảm bảo nguồn lực thực hiện kế hoạch của ngành	Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Vụ Kế hoạch – Tài chính, các đơn vị và các địa phương	
III	Tồn tại, hạn chế trong thực hiện 6 tháng đầu năm và nguyên nhân	Các đơn vị, địa phương	
IV	Dự kiến mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022; nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong các tháng cuối năm		
B	Phần 2: Kế hoạch năm 2023		
I	Bối cảnh xây dựng kế hoạch 2023	Các đơn vị	
II	Mục tiêu		
1	Mục tiêu tổng quát	Các đơn vị, địa phương	
2	Các chỉ tiêu		
III	Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu		
1	Về hoàn thiện thể chế phát triển các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; về nâng cao tiềm lực khoa học để cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện thể chế, pháp luật về lao động, người có công và xã hội.	Vụ pháp chế, Viện Khoa học Lao động và Xã hội	

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	GHI CHÚ
2	Về lao động – việc làm	Tổng cục GDNN; các Cục: VL, QLLĐNN, QHLĐ-TL, ATLĐ, Vụ BHXH và các địa phương	
3	Về chăm sóc người có công	Cục NCC và các địa phương	
4	Về các lĩnh vực xã hội	Cục BTXH, VPGN, Cục TE, Cục PCTNXH, Vụ BDG	
5	Đề xuất các chương trình, đề án để thực hiện Kế hoạch năm 2022 (<i>lồng ghép vào từng nội dung ở trên</i>)	Các đơn vị, địa phương	
6	Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước	Vụ PC, VP, Vụ TCCB, TT Thông tin và các địa phương	
6	Thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Thanh tra, Văn phòng và các địa phương	
7	Về hợp tác quốc tế	Vụ HTQT và các địa phương	
IV	<i>Tổ chức thực hiện</i>	Các đơn vị, địa phương	

Danh sách phát hành

1. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
2. Cục Việc làm
3. Cục Quản lý lao động ngoài nước
4. Cục Quan hệ lao động và Tiền lương
5. Cục An toàn lao động
6. Cục Người có công
7. Cục Bảo trợ xã hội
8. Cục Trẻ em
9. Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
10. Vụ Pháp chế
11. Vụ Bảo hiểm xã hội
12. Vụ Tổ chức cán bộ
13. Vụ Bình đẳng giới
14. Vụ Hợp tác quốc tế
15. Văn phòng quốc gia về giảm nghèo
16. Văn phòng Bộ
17. Thanh tra Bộ
18. Trung tâm Thông tin
19. Viện Khoa học Lao động và Xã hội
20. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.